

Số: 1053/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 21 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án chỉnh trang đô thị Tổ 8, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định một số nội dung về công tác bảo vệ môi trường tỉnh Yên Bái;

Xét Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án chỉnh trang đô thị Tổ 8, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái số 128/BC-HĐTĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng thẩm định;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án chỉnh trang đô thị tổ 8 thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 411/QLDA ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 257/TTr-STNMT ngày 15 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Dự án chỉnh trang đô thị Tổ 8, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (sau đây được viết tắt là Dự án) của Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Bình (sau đây được viết tắt là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án và đơn vị được giao vận hành quản lý dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình; Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Bình và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó CVP (TH) UBND tỉnh;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Trung tâm ĐHTM tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, NLN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Phước



**QUY ĐỊNH, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
CHỈNH TRANG ĐÔ THỊ TỔ 8 THỊ TRẤN YÊN BÌNH,
HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI**

(Kèm theo Quyết định số **1053/QĐ-UBND** ngày **21** tháng 6 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án chỉnh trang đô thị tổ 8 thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.
- Địa điểm thực hiện: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Bình.

1.2. Phạm vi, quy mô của dự án

1.2.1. Phạm vi của dự án: Dự án thực hiện thu hồi, đền bù, giải phóng mặt bằng để chỉnh trang, tạo quỹ đất khu dân cư nông thôn mới với diện tích là 39.357,13m². Vị trí, tọa độ các điểm khép góc của dự án được giới hạn bởi các điểm theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°45' múi chiều 3⁰ tại bảng sau:

Bảng 1. Tọa độ khu vực thực hiện dự án

Tên cọc	Tọa độ		Tên cọc	Tọa độ	
	X (m)	Y(m)		X (m)	Y(m)
T1	2403779.50	522383.96	P1	2403863.84	522298.77
T2	2403763.08	522415.76	P2	2403843.92	522292.76
T3	2403746.45	522402.63	P3	2403825.15	522292.64
T4	2403731.41	522393.55	P4	2403802.15	522290.59
T5	2403708.64	522392.99	P5	2403779.70	522289.58
T6	2403688.12	522378.16	P6	2403715.32	522289.55
T7	2403668.80	522376.32	P7	2403695.17	522274.86
T8	2403657.92	522339.49	P8	2403667.40	522262.65
T9	2403630.93	522336.40	P9	2403657.75	522236.99
T10	2403605.70	522319.43	P10	2403637.09	522225.25
T11	2403572.38	522328.09	P11	2403624.47	522218.67
T12	2403548.57	522314.92	P12	2403616.22	522231.02
T13	2403511.77	522302.75	P13	2403598.62	522231.48
T14	2403499.59	522303.54	P14	2403593.04	522238.81



T15	2403458.61	522286.23	P15	2403557.82	522233.97
T16	2403444.25	522263.29	P16	2403529.09	522216.38
T17	2403437.64	522240.07	P17	2403520.93	522206.43
T18	2403454.31	522228.79	P18	2403505.78	522203.48
T19	2403467.88	522214.95	P19	2403492.60	522200.75
T20	2403469.36	522212.82	P20	2403478.18	522203.56
T21	2403467.49	522201.00	P21	2403472.70	522190.28
T22	2403467.27	522193.66	P22	2403467.90	522192.19

1.2.2. Quy mô của dự án:

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình: Công trình cấp IV.
- Quy mô: Tổng diện tích đất thực hiện dự án là 39.357,13 m², trong đó diện tích đất trồng lúa là 131,34 m², số lô đất là 119 lô. Quy mô dân số: 476 người.

1.2.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- San tạo mặt bằng: Tổng diện tích chiếm dụng mặt bằng: 39.357,13 m². Trong đó: Diện tích đất ở 13.654,60 m² (Diện tích đất đấu giá là 12.004,67 m², diện tích đất tái định cư là 1.649,93 m², diện tích đất giao thông: 3.843,52 m², diện tích đất khác: 21.859,01 m²). Tổng số lô là 119 lô.

- Hệ thống giao thông nội bộ và hạ tầng kỹ thuật:

+ Đường giao thông: Bề rộng nền đường $B_{nền} = 7,5 \text{ m} + 2 \times 5 \text{ m} = 17,50 \text{ m}$. Trong đó: Bề rộng mặt đường: $B_{mặt} = 7,5 \text{ m}$ (bao gồm cả rãnh tam giác $2 \times 0,3 = 0,6 \text{ m}$); bề rộng vỉa hè mỗi bên: $B_{v\grave{h}} = 5 \text{ m}$; rãnh tam giác đổ bê tông xi măng M200 dày 5 cm bên dưới là lớp vữa đệm xi măng dày trung trình 3,5cm, dưới lớp bê tông XM M150 dày 5 cm. Rãnh tam giác được đổ tại chỗ và vạch thành từng tấm kích thước 30 cm x 50 cm.

+ Vỉa hè: Vỉa hè được thiết kế lát gạch giả đá $h=3 \text{ cm}$ trên lớp vữa XM M100 lót $h=2 \text{ cm}$ và lớp BTXM M150# $h=5 \text{ cm}$; hố trồng cây vỉa hè: Kích thước hố 124 x 124 cm, bo góc cây bằng gạch xây VXM M100 không trát; trên lớp cát sạn dày 2 cm.

- Hệ thống thoát nước:

+ Rãnh dọc thiết kế với khẩu độ $Lo=60\text{cm}$ kết cấu bê tông M200 dày 15cm; hộp kỹ thuật khẩu độ $Lo=50 \text{ cm}$ kết cấu bê tông M200 dày 15 cm; lắp đặt tấm đan bê tông cốt thép M250 dày 10 cm; Trung bình 20 m bố trí một cửa thu nước, trên miệng của thu nước được đặt tấm chắn rác bằng gang đúc, thu nước vào rãnh dọc đặt mép trong vỉa hè.

+ Thiết kế 01 cống D150 từ cọc 3C đến cọc 52C tổng chiều dài $L=313,56\text{m}$; Kết cấu ống cống bê tông cốt thép M200 dày 14 cm; móng cống



tường M200 dày 30cm; thiết kế 07 hố thăm kết cấu móng bê tông M200; Kết cấu tường bê tông cốt thép M200; lên xuống hố thăm bằng thép d22 cắm vào tường hố thăm khoảng cách 40cm; tấm bản dầy hố thăm bê tông cốt thép M250 dày 12 cm; thiết kế 01 cửa thu kết cấu bê tông M200; tại những vị trí cắt qua ao, đầm lầy được gia cố móng bằng cọc tre $L=2,5$ m mật độ 25 cọc/1m².

+ Thiết kế 02 cống bản $Lo=75$ tại cọc P6 và cọc 79 kết cấu thành và đáy bê tông M200 dày 40cm; Tấm bản bê tông cốt thép M300 dày 15cm;

+ Tải trọng thiết kế cống ngang đường là H30-BX80

- Các hạng mục công trình phụ trợ

- Hệ thống điện chiếu sáng, điện sinh hoạt

+ Đường điện sinh hoạt: Đường dây trên không 3 pha 4 dây; Điện áp: 0,4kV; (ii) điện chiếu sáng: Tuyến điện chiếu sáng sử dụng cột, xà của đường dây 0,4kV lắp chụp đèn trên ngọn cột bê tông. Sử dụng Đèn led 120W, cấp cấp nguồn cho chiếu sáng sử dụng cáp vặn xoắn 4x50.

- Hệ thống cấp nước:

+ Thiết kế hệ thống cấp nước bằng ống HDPE D90 PN10 đặt trong hộp kỹ thuật (riêng đoạn từ cọc V1:-HV1 được chôn dưới đất); tại vị trí cắt qua đường dùng ống kẽm D80; thiết kế 05 van đĩa D90 tại vị trí cọc V1; HV1; HV2; HV3; HVA.

+ Nguồn nước: Nguồn nước được đầu nối đường ống đã có giáp đường quốc lộ 70 do Công ty Cổ phần cấp nước Yên Bái đóng trên địa bàn cung cấp.

- Thoát nước thải sinh hoạt: Hệ thống thoát nước thải được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn giữa nước thải và nước mưa. Ống nước thải sinh hoạt được bố trí mỗi 1 lô đất 01 ống PVC D110 thu từ hộ gia đình vào ống dẫn PVC D250 đặt trong lòng rãnh hộp; tại vị trí cắt qua đường dùng ống thép D250 dày 5 mm.

- Công trình phòng hộ, giao thông: Hệ thống phòng hộ, an toàn giao thông trên tuyến thiết kế theo quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2019.

1.2.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất ở đô thị với diện tích 131,34 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng.

- Phát quang thảm thực vật.

- Đào, đắp, san tạo mặt bằng.

- Hoạt động vận chuyển đất đá thải và nguyên vật liệu.



Hoạt động của các máy móc, phương tiện thi công và sinh hoạt của cán bộ công nhân trên công trường.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án.

Các hoạt động nêu trên phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải, nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

2.2. Trong giai đoạn hoạt động

- Hoạt động sống sinh hoạt của người dân trong khu dân cư.

- Hoạt động của các phương tiện giao thông.

Các hoạt động nêu trên phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải, nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân thi công trên công trường với lưu lượng 03 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), Amoni, dầu mỡ, các vi sinh vật...

- Nước thải xây dựng: phát sinh chủ yếu từ quá trình vệ sinh máy móc, dụng cụ thi công lưu lượng 5,4m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, bùn, đất...

- Nước mưa chảy tràn: phát sinh chủ yếu trên mặt bằng thi công với lưu lượng 174,1 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, bùn đất, cát...

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ quá trình sinh hoạt của các hộ dân 47,6 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), Amoni, dầu mỡ, các vi sinh vật...

- Nước mưa chảy tràn: phát sinh trên bề mặt khu vực dự án với lưu lượng 313,36 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, bùn đất, cát...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nguồn phát sinh: Phát sinh chủ yếu từ hoạt động đắp, san tạo mặt bằng, vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu, phương tiện, máy móc thi công giao thông ra vào khu vực dự án, từ quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị của dự án...

- Quy mô, tính chất: Đây là các nguồn thải nhỏ và biến động, thay đổi vị trí liên tục, lưu lượng xả thải không đáng kể. Thành phần chủ yếu là bụi, bụi PM₁₀, SO₂, NO_x, CO, VOC, HC, H₂S...



b) Giai đoạn hoạt động

Nguồn phát sinh: Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông cá nhân, quá trình nấu ăn của các hộ dân, khu vực tập trung chất thải rắn, khu xử lý nước thải...

- Quy mô, tính chất: Đây là các nguồn thải nhỏ và biến động, thay đổi vị trí liên tục, lưu lượng xả thải không đáng kể. Thành phần chủ yếu gồm: Bụi và các khí độc: CO, CO₂, SO₂, NO_x...NH₃, CH₄, H₂S...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

- Giai đoạn thi công xây dựng: Nguồn phát sinh: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên phục vụ dự án. Khối lượng phát sinh 27kg/ngày. Thành phần chủ yếu là rau, củ, quả, thực phẩm thừa, giấy, túi nilon, vỏ hộp nhựa, chai thủy tinh, kim loại, chất hữu cơ dễ phân hủy, bao bì...

- Giai đoạn hoạt động: Nguồn phát sinh: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cư dân sinh sống trong dự án. Khối lượng phát sinh 428,4 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là rau, củ, quả, thực phẩm thừa, giấy, túi nilon, vỏ hộp nhựa, chai thủy tinh, kim loại...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng

+ Chất thải rắn xây dựng phát sinh chủ yếu từ hoạt động thi công xây dựng gồm: đá, cát, gạch vỡ, vữa, vật liệu rơi vãi, vỏ bao xi măng... Khối lượng phát sinh 42,4 tấn cho toàn thời gian thi công.

+ Đất đá thải: Khối lượng đất đá thải của dự án là 54.787,3 m³ tương đương 79.895,69 tấn.

- Giai đoạn hoạt động: Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung (*chu kỳ nạo vét bùn là 06 tháng/lần*).

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thi công và quá trình thi công xây dựng. Khối lượng 1,08 tấn trong giai đoạn thi công. Thành phần chủ yếu: bóng đèn hỏng, vỏ ác quy hỏng thải, giẻ lau dính dầu mỡ...

- Giai đoạn hoạt động: Phát sinh chủ yếu từ quá trình sinh hoạt, kinh doanh của các hộ dân hàng ngày. Khối lượng phát sinh 0,78 tấn/năm. Thành phần chủ yếu gồm các loại pin, ác quy hỏng, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu mỡ thải...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu trong giai đoạn thi công xây dựng dự án bao gồm: tiếng ồn từ các phương tiện giao thông vận tải (*xe tải chuyên chở*



va, liêu, máy móc thi công, nguyên vật liệu xây dựng...); tiếng ồn từ các loại máy móc thi công (máy đầm nén, máy xúc, xe nâng...); tiếng ồn từ hoạt động thi công đập, cắt, đóng cọc...

- Nguồn phát sinh độ rung chủ yếu từ các máy móc thi công, các phương tiện vận tải trên công trường...

3.3.2. Giai đoạn hoạt động: Tiếng ồn, độ rung gây ra chủ yếu do các phương tiện giao thông vận tải của người dân và khách vãng lai trong khu vực dự án, ngoài ra còn có một số loại phương tiện vận tải qua lại khác...

3.4. Các tác động môi trường khác và các sự cố môi trường của dự án

- Sử dụng đất lúa: Quy mô sử dụng và chuyển đổi đất lúa của dự án là 131,34 m², việc sử dụng đất lúa phục vụ cho dự án ảnh hưởng, tác động đến sinh kế, đời sống của các hộ dân bị thu hồi đất.

- Các sự cố có thể xảy ra trong giai đoạn thi công và vận hành dự án: sự cố do thiên tai (*muối bão, lũ lụt*); sự cố cháy nổ; sự cố tai nạn lao động; sự cố đối với hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải trong giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt: Bố trí 02 nhà vệ sinh di động (*kích thước mỗi nhà vệ sinh di động là cao x rộng = 2 m x 1,5 m; dung tích bể chứa chất thải 200 lít; được làm từ vật liệu composite*). Định kỳ thuê đơn vị có chức năng để hút đem đi xử lý theo đúng quy định.

- Nước thải xây dựng: Bố trí 01 hố lắng sơ bộ tại điểm tập kết xe thi công (*kích thước 1 m x 1 m x 2 m*) để lắng đất cát có trong nước thải, sau khi lắng nước được tận dụng lại để tưới đường giảm bụi, rửa dụng cụ, nguyên vật liệu.

- Nước mưa chảy tràn: Bố trí rãnh đào tràn hình tam giác thoát nước chạy bao quanh khu vực của Dự án (*kích thước 30 cm x 50 cm x 5 cm*), trên tuyến rãnh bố trí các hố thu nước (*khoảng cách trung bình 20 m/01 hố*). Dựa vào địa hình khu vực dự án, rãnh thu gom nước mưa được đầu nối với rãnh thoát nước chung của thị trấn Yên Bình.

4.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải trong giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: Từng hộ gia đình khi đến sinh sống phải đầu tư công trình xử lý nước thải tại chỗ (xử lý bằng hệ thống bể tự hoại ba ngăn) trước khi đầu nối vào đường ống thu gom nước thải tập trung để dẫn về công trình xử lý nước thải tập trung của dự án. Tại mỗi lô đất bố trí 01 ống PVC D110 mm để thu nước thải sau khi xử lý sơ bộ tại các hộ gia đình, cá nhân. Nước thải sau đó được thu vào ống PVC D250 đặt trong rãnh thu gom và chảy về bể thu gom của trạm



thuỷ thải. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung được đầu tư xây dựng với công suất 50 m³/ngày đêm.

Bảng 2. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải

STT	Thông số	Kích thước (DxRxH) (m)
1	Bể thu gom	2,05 x 2,5 x 2,5
2	Ngăn điều hòa T-01	2,6 x 2,5 x 2,5
3	Ngăn selector T-02	1,2 x 2,5 x 2,5
4	Ngăn SBR T-03	3,0 x 2,5 x 2,5
5	Ngăn khử trùng T-04	0,9 x 2,5 x 2,5

+ Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại 03 ngăn theo đường ống dẫn thu gom về Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm, gồm: bể thu gom, bể điều hòa, bể selector, bể SBR. Cuối cùng nước thải được dẫn về bể khử trùng có sử dụng Clo trước khi thải ra ngoài môi trường. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải định kỳ thuê đơn vị có năng lực để thu gom, xử lý. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (hệ số K=1,2).

+ Hóa chất sử dụng: Clo khô dạng viên nén.

- Nước mưa chảy tràn: Thiết kế rãnh dọc với khẩu độ Lo=60 cm kết cấu bê tông M200 dày 15 cm; hộp kỹ thuật khẩu độ Lo=50 cm kết cấu bê tông M200 dày 15 cm; lắp đặt tấm đan bê tông cốt thép M250 dày 10 cm; trung bình 20 m bố trí một cửa thu nước, trên miệng của thu nước được đặt tấm chắn rác bằng gang đúc thu nước vào rãnh dọc đặt mép trong vỉa hè.

+ Thiết kế 01 cống D150 tổng chiều dài L=313,56 m; kết cấu ống cống bê tông cốt thép M200 dày 14cm; móng cống bê tông M200 dày 30 cm; thiết kế 07 hố thăm kết cấu móng bê tông M200; kết cấu tường bê tông cốt thép M200; tấm bản đáy hố thăm bê tông cốt thép M250 dày 12 cm; thiết kế 01 cửa thu kết cấu bê tông M200; tại những vị trí cắt qua ao, đầm lầy được gia cố móng bằng cọc tre L=2,5 m mật độ 25 cọc/1 m².

+ Thiết kế 02 cống bản Lo=75 tại cọc P6 và cọc P79 kết cấu thành và đáy bê tông M200 dày 40 cm; Tấm bản bê tông cốt thép M300 dày 15 cm;

+ Tải trọng thiết kế cống ngang đường là H30-BX80

4.1.3. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường tại khu vực thực hiện dự án như: trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động; vệ



phương tiện trước khi ra khỏi dự án (*tiến hành phun rửa tất cả các xe vận chuyển trước khi ra khỏi công trường*); các phương tiện vận chuyển (*nguyên vật liệu*) phải có bạt che phủ; hạn chế sử dụng đồng thời nhiều máy móc, thiết bị thi công trong cùng một thời điểm; phun tưới nước trên mặt bằng khu vực có hoạt động thi công với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày (*vào thời điểm thời tiết hanh khô*); bố trí công nhân vệ sinh trên công trường để thường xuyên quét dọn mặt bằng công trường, dọn dẹp đất cát rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển đổ thải; không tập trung phương tiện vận chuyển vào các thời điểm từ 6 giờ sáng, 12 giờ đến 13 giờ và sau 18 giờ chiều hàng ngày.

- Khí thải từ các phương tiện sử dụng nhiên liệu đốt cháy: sử dụng phương tiện đảm bảo tiêu chuẩn khí thải và quy định về yêu cầu trong vận chuyển; kiểm soát chặt chẽ phương tiện thi công, không chế phát thải của các phương tiện này theo Luật bảo vệ môi trường; tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới đưa vào sử dụng đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; các phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị xây dựng phải được kiểm định thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động

- Bụi phát sinh từ hoạt động của khu dân cư: Trồng cây xanh trên vỉa hè dọc theo tuyến đường trục nội bộ của khu dân cư và trong khu vực dự án. Cây xanh có tác dụng giảm tiếng ồn, sóng âm, giữ lại bụi, điều hòa không khí cũng như tạo mỹ quan đẹp cho khu vực dự án. Trồng cây xanh trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường và trong khu vực dự án. Cây xanh có tác dụng giảm tiếng ồn, sóng âm, giữ lại bụi, điều hòa không khí cũng như tạo mỹ quan đẹp cho khu vực dự án.

- Yêu cầu các phương tiện ra vào khu vực dự án tuân thủ các quy định của khu dân cư.

- Khí thải phát sinh do quá trình đun nấu của người dân sinh sống tại dự án: khuyến khích người dân sử dụng bếp điện từ; tuyên truyền với các hộ dân sinh sống trong dự án đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường.

- Mùi từ trạm xử lý nước thải tập trung: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế, xây dựng trạm xử lý phải đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh (*đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường và có bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu vực xây dựng trạm xử lý nước thải theo quy định*).

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công xây dựng:

+ Gạch vỡ, cát, bê tông vỡ: thu gom và san lấp trong phạm vi của dự án.



Đầu với các loại chất thải như sắt thép, giấy vụn, bìa carton, bao xi măng... được thu gom và bán tái chế cho đơn vị thu mua phế liệu.

Đất đá thải: Được vận chuyển đổ thải tại vị trí dự án xây dựng khu đô thị mới (độc đường Hoàng Thi) tại thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình (cùng chủ đầu tư) với quãng đường vận chuyển là 2,8 km. Diện tích khu vực bãi đổ thải là 13.432,17 m², trữ lượng lưu chứa của bãi là: 179.025,37 m³.

Bảng 3. Tọa độ cọc của khu vực đổ thải

Tên cọc	Tọa độ		Tên cọc	Tọa độ	
	X (m)	Y(m)		X (m)	Y(m)
C1	2403689.42	523884.05	C16	2403815.64	523555.91
C2	2403683.57	523850.63	C17	2403773.88	523555.91
C3	2403682.09	523847.81	C18	2403825.15	523580.78
C4	2403722.12	523825.26	C19	2403687.40	523617.42
C5	2403758.76	523817.48	C20	2403678.74	523646.35
C6	2403794.00	523810.00	C21	2403670.56	523671.33
C7	2403823.67	523812.54	C22	2403640.57	523679.14
C8	2403859.35	523815.59	C23	2403618.11	523684.99
C9	2403892.74	523818.38	C24	2403608.71	523691.06
C10	2403888.10	523785.21	C25	2403616.36	523704.19
C11	2403881.83	523740.39	C26	2403627.98	523737.27
C12	2403875.56	523695.56	C27	2403645.97	523784.11
C13	2403869.29	523650.74	C28	2403659.76	523818.31
C14	2403863.02	523605.92	C29	2403677.099	523860.13
C15	2403856.02	523555.91	C30	2403682.63	523875.68

- Chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 04 thùng thu gom, chứa rác sinh hoạt bằng composite, có nắp đậy có thể tích 200 lít/thùng để chứa rác tại khu công trường; phối hợp với đơn vị vệ sinh môi trường địa phương định kỳ vận chuyển và xử lý.

- Hoạt động thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các chất thải rắn xây dựng, chất thải sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng phải đảm bảo yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Giai đoạn hoạt động

- Chất thải rắn sinh hoạt: Các hộ gia đình sinh sống trong khu vực dự án tự thực hiện thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình, thu gom



thùng chứa rác công cộng được bố trí tại khu dân cư mới và chuyển cho đơn vị vệ sinh môi trường trên địa bàn để vận chuyển, xử lý (đối với loại chất thải không thể tái chế) và bán cho tổ chức, cá nhân thu mua phế liệu (đối với loại chất thải có thể tái chế).

- Bùn thải từ trạm xử lý nước thải: định kỳ 6 tháng/lần đơn vị quản lý vận hành thuê đơn vị có chức năng đến hút và xử lý theo quy định.

- Hoạt động thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ chất thải sinh hoạt, bùn thải của trạm xử lý nước thải trong quá trình hoạt động phải đảm bảo yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bố trí 01 khu lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại có diện tích 10 m²; có biển cảnh báo kho chứa CTNH; hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý; theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giai đoạn hoạt động: Các hộ gia đình thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý theo đúng quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Yêu cầu về thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định; Thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng: Tính toán, lựa chọn các thiết bị thi công có mức ồn thấp, chọn vị trí đặt thiết bị gây ồn phù hợp sao cho giá trị mức ồn không cộng hưởng; tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy đến mức thấp nhất; định kỳ bảo trì máy móc thiết bị và phương tiện thi công; công nhân thi công tại công trường phải được trang bị bảo hộ lao động; tất cả các phương tiện và máy móc phải được đăng kiểm trước khi đưa vào sử dụng; xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, hạn chế hoạt động đồng thời các máy móc, thiết bị xây dựng.

4.3.2. Giai đoạn hoạt động: Tuân thủ các quy định về tiếng ồn, độ rung; trồng cây xanh trong khuôn viên dự án; lập nội quy ra, vào khu vực hạn chế sự lưu thông của các phương tiện vận tải có tải trọng lớn.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do sử dụng đất lúa

Dự án sử dụng đất trồng lúa, Chủ đầu tư sẽ nộp tiền bảo vệ đất trồng lúa khi chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về việc



quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Thông tư số 13/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

4.4.2. Giảm thiểu tác động đến chế độ thủy văn, ngập úng, sạt lở, bồi lắng

- Rãnh đào có bố trí các hố ga tại các khu vực như lán trại nhà điều hành, bãi tập kết để lắng cặn đất, đá, sỏi, cát trước khi nước thải tiêu thoát vào môi trường xung quanh. Lựa chọn giải pháp thi công phù hợp với điều kiện địa chất của dự án; thi công theo đúng thiết kế, đảm bảo an toàn không gây sạt lở; thực hiện công tác giám sát các hoạt động thi công san nền, thi công đường giao thông, thi công hệ thống cống thoát nước; tăng cường cập nhật và theo dõi các diễn biến về thời tiết để tổ chức thi công phù hợp.

- Ngoài ra thực hiện một số biện pháp sau:

- + Che chắn các bãi vật liệu đất đá để hạn chế bị nước mưa cuốn trôi.
- + Khu lưu giữ vật liệu đất cát được phủ bằng giấy dầu hoặc nilon.

4.4.3. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động: tất cả công nhân tham gia lao động trên công trường xây dựng được hướng dẫn kiến thức cơ bản về các quy định an toàn và vệ sinh lao động; các công nhân tham gia vận hành máy móc, thiết bị được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách, đúng quy trình; thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị để đảm bảo an toàn khi vận hành; trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động như găng tay, khẩu trang, mũ bảo hiểm, dây thắt an toàn...

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông: Tránh vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm để giảm thiểu tối đa nguy cơ tai nạn giao thông; tuân thủ luật giao thông đường bộ, kiểm soát tốc độ vận chuyển của các xe máy móc trên công trường; đặt biển cảnh báo công trường trên các tuyến đường đoạn ra vào dự án.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ: công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ; bố trí các phương tiện chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy cầm tay, xô, chậu để mức nước, cát...

b) Giai đoạn hoạt động

- Biện pháp phòng ngừa sự cố thiên tai: Các hộ gia đình phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai lũ lụt do mưa bão gây ra; tổ chức khơi thông hệ thống thoát nước trong khu vực dự án đảm bảo tiêu thoát nước.



Ứng phó sự cố cháy, nổ: Tuyên truyền các hộ dân thiết kế hệ thống thông gió đảm bảo thông thoáng khí; tuyên truyền, hướng dẫn về cách xử lý sự cố rò rỉ khí gas và phổ biến cho các hộ dân sinh sống trong khu vực; khuyến khích các hộ dân lắp đặt hệ thống cảnh báo rò rỉ khí gas; Lựa chọn các nhà cung cấp gas tin cậy, hướng dẫn người dân sử dụng gas an toàn.

- Ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung: Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, tạm dừng hoạt động để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố, thuê đơn vị có chức năng đến hút và vận chuyển nước thải đến cơ sở có chức năng xử lý tạm thời. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo nước thải phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án đạt QCVN trước khi xả thải ra môi trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát môi trường: khu vực đầu nối với các tuyến đường ra vào khu vực dự án; khu vực trung tâm dự án; khu vực dân cư xung quanh dự án.

- Thông số giám sát: Bụi tổng TSP, SO₂, CO, NO₂, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

5.1.2. Giám sát môi trường nước thải xây dựng

- Vị trí giám sát (01 vị trí): Mẫu nước thải sau hố lắng sơ bộ khu vực bãi tập kết nguyên liệu của dự án.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Thông số giám sát: pH, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), nhu cầu oxy sinh học (BOD₅), nhu cầu oxy hóa học (COD), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻), Phosphat (PO₄³⁻), tổng dầu mỡ, coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B).

5.1.3. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chỉ tiêu giám sát: Nguồn thải, thành phần, lượng thải, công tác thu gom, xử lý.

- Tần suất: Hằng ngày.
- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải rắn chất thải nguy hại

5.1.4. Giám sát sạt lở, bồi lắng

- Chỉ tiêu giám sát: Sự cố sạt lở, sạt lở.
- Tần suất: Thường xuyên.

5.2. Giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm

5.2.1. Giám sát nước thải

- Vị trí: Mẫu nước thải sinh hoạt sau trạm xử lý nước thải công suất 300 m³/ngày đêm

- Tần suất: Theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan (TDS), sunfua (H₂S), amoni (tính theo N), NO₃⁻ (tính theo N), PO₄³⁻ (tính theo P), tổng dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Tổng Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A (hệ số K=1).

5.2.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Định kỳ chuyển giao các loại chất thải phát sinh cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.3. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn vận hành

Dự án đi vào hoạt động không thuộc đối tượng phải tiến hành giám sát, quan trắc môi trường về nước thải, khí thải theo Điều 111 và 112 của Luật Bảo vệ môi trường và theo Điều 97 và 98 của Nghị định 08/2022/NĐCP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Việc giám sát do chủ đầu tư tự quyết định để báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án và đơn vị được giao vận hành quản lý dự án có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt lưu ý tuân thủ các yêu cầu cụ thể sau:

- Sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng công trình, Chủ dự án thực hiện lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.



Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho dự án, Chủ dự án thực hiện bàn giao công trình để quản lý khai thác, vận hành theo quy định. Đơn vị được giao quản lý vận hành có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung Giấy phép môi trường được cấp, đặc biệt là công tác xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

- Các hạng mục công trình của dự án, đặc biệt là công trình bảo vệ môi trường phải được thiết kế và xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai dự án.

- Tổ chức thi công xây dựng theo đúng toạ độ, ranh giới, diện tích và thực hiện thi công theo công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

- Trong quá trình hoạt động của dự án, nếu để xảy ra sự cố ảnh hưởng đến chất lượng môi trường, Chủ dự án phải tổ chức kịp thời hoạt động ứng cứu, khắc phục sự cố, thông báo khẩn cấp cho chính quyền địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan để chỉ đạo và phối hợp xử lý. Chủ dự án cam kết đền bù thiệt hại, bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường khi xảy ra sự cố có liên quan đến hoạt động của dự án.

- Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hoá chất và các vật liệu khác bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tổ chức theo dõi, giám sát thường xuyên và thực hiện các giải pháp phòng ngừa các hiện tượng sạt lở, sụt lún đất đá; khi phát hiện dấu hiệu có khả năng xảy ra các hiện tượng sạt lở, sụt lún đất đá phải dừng ngay các hoạt động và khẩn trương đưa người, thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Thực hiện Chương trình quản lý, giám sát, quan trắc môi trường như đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát môi trường và định kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; bảo đảm kinh phí để thực hiện cho các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với dự án.

- Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu có liên quan đến dự án khi được yêu cầu.

- Thực hiện nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định của pháp luật./.